

Số: **215**CT-TCHQ

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2021

CHỈ THỊ

Về việc thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tạo thuận lợi thương mại, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, chống thất thu trong triển khai nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2021

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn mà tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam do sự bùng phát của dịch COVID-19, nhưng dưới sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, sự phối hợp của các cấp, các ngành và cộng đồng doanh nghiệp, sự quyết tâm, nỗ lực của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan, thu ngân sách nhà nước của ngành Hải quan đã đạt 93,8% dự toán và đạt 105,7% số đã báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIV góp phần cân đối Ngân sách trung ương.

Năm 2021, Tổng cục Hải quan được Quốc hội giao dự toán thu NSNN theo Nghị quyết số 128/2020/QH14 là 315.000 tỷ đồng. Trong đó: Thuế xuất khẩu: 6.222 tỷ đồng; Thuế nhập khẩu: 55.023 tỷ đồng; Thuế TTĐB: 21.925 tỷ đồng; Thuế BVMT: 1.830 tỷ đồng; Thuế GTGT: 230.000 tỷ đồng. Dự toán 2021 được xây dựng trên cơ sở tăng trưởng GDP 6%; giá dầu thô 45\$/thùng; các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) tiếp tục trong giai đoạn cắt giảm sâu, một số FTA mới được ký kết. Bộ Tài chính giao chỉ tiêu phấn đấu thu NSNN năm 2021 tăng 5% so với dự toán (331.000 tỷ đồng).

Căn cứ Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán thu NSNN năm 2021, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan yêu cầu các đơn vị thuộc và trực thuộc triển khai quyết liệt ngay từ đầu năm các nhiệm vụ dưới đây:

I. Nhiệm vụ chung:

1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021 với phương châm hành động của Chính phủ là **“Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, khát vọng phát triển”**; xây dựng và triển khai quyết liệt, đồng bộ kế hoạch hành động công tác cải cách thủ tục hành

chính, hiện đại hóa công tác hải quan, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 theo yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 và Nghị quyết 01-NQ/BCSD ngày 04/01/2021 của Ban cán sự Đảng Bộ Tài chính về lãnh đạo, chỉ đạo thắng lợi nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2021. Theo đó, thường xuyên đối thoại với doanh nghiệp để tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền liên quan đến thủ tục hải quan, chính sách thuế, công tác quản lý thuế, chế độ kế toán, chế độ hoàn thuế, miễn thuế; cải cách thủ tục hành chính, thủ tục hải quan, thủ tục quản lý thuế rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa; triển khai Cơ chế Hải quan một cửa quốc gia và Cơ chế hải quan một cửa ASEAN; thường xuyên cập nhật, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn cho cộng đồng doanh nghiệp về các chính sách mới, đẩy mạnh hợp tác với các ngân hàng thương mại, triển khai mở rộng chương trình phối hợp thu 24/7 và chương trình doanh nghiệp nhờ thu,... tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của nhóm công tác Hải quan - Doanh nghiệp.

Thủ trưởng các đơn vị quán triệt toàn thể cán bộ công chức nâng cao nhận thức, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác cải cách, hiện đại hóa gắn liền với nâng cao hiệu quả của công tác quản lý trong quá trình thực thi công vụ; tiếp nhận, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, phản ánh của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trong lĩnh vực hải quan; nâng cao xếp hạng chỉ số giao dịch thương mại qua biên giới năm 2021 lên 10-15 bậc so với năm 2018, xác định đây tiếp tục là một trong những nhiệm vụ trọng tâm về cải cách, hiện đại hóa hải quan trong năm 2021.

2. Tăng cường chống thất thu qua công tác giám sát kiểm tra thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra chuyên ngành, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại; tập trung kiểm tra chống gian lận về số lượng, trị giá, mã số, xuất xứ, nhãn hiệu hàng hóa..., kiểm soát chặt chẽ, kịp thời phát hiện ngăn chặn việc vận chuyển trái phép, thâm lậu vào nội địa; nhập khẩu hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ; nhập khẩu hàng không đúng với khai hải quan về chủng loại, số lượng, trị giá,... (các mặt hàng tiêu dùng, hàng bách hóa, mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, linh kiện xe đạp, xe máy,... nhập khẩu), hàng hóa thuộc diện cấm nhập khẩu; tự ý tiêu thụ hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan (hàng quá cảnh, kinh doanh tạm nhập tái xuất).

Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan có trách nhiệm phổ biến, quán triệt công văn số 119/TCHQ-GSQL ngày 11/01/2021 của Tổng cục Hải quan về tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu cho cán bộ công chức tại các đơn vị thuộc và trực thuộc để tạo sự đồng thuận,

thống nhất trong thực hiện. Trường hợp để xảy ra tình hình buôn lậu, gian lận, trốn thuế, vận chuyển trái phép qua biên giới trên địa bàn quản lý và bị các lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện thì Thủ trưởng đơn vị hải quan phụ trách địa bàn, cán bộ công chức thừa hành tùy theo mức độ vi phạm bị xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định.

Thực hiện nghiêm túc các quy định về chính sách tài khóa và các kết luận, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, cơ quan thanh tra các cấp. Coi đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi đơn vị, tổ chức, cán bộ, công chức viên chức và người lao động trong toàn ngành hải quan.

II. Nhiệm vụ cụ thể:

1. Cục Thuế xuất nhập khẩu:

1.1. Đề xuất giao chỉ tiêu phần đầu thu NSNN tới từng Cục Hải quan tỉnh, thành phố; theo dõi tình hình thu NSNN; đánh giá tác động ảnh hưởng tới thu NSNN của việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các Hiệp định có hiệu lực từ năm 2021 như RCEP, UKVFTA; nghiên cứu, đề xuất và triển khai các giải pháp tăng thu, chống thất thu NSNN; chủ động theo dõi, đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 và các cam kết hội nhập quốc tế ảnh hưởng đến thu NSNN đề xuất, báo cáo lãnh đạo Tổng cục, lãnh đạo Bộ Tài chính.

1.2. Tập trung rà soát, nắm chắc tình hình nợ thuế của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố; phân loại các nhóm nợ có khả năng thu, nợ không có khả năng thu. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các đơn vị và đưa ra các giải pháp thu hồi nợ phù hợp với thực tế, báo cáo Lãnh đạo Tổng cục giao chỉ tiêu thu hồi nợ thuế có khả năng thu năm 2021 đối với từng Cục Hải quan tỉnh, thành phố; đôn đốc, theo dõi từng tháng, quý tình hình thu hồi và xử lý nợ thuế; triển khai và đôn đốc các Cục Hải quan tỉnh, thành phố hoàn thiện hồ sơ đối với các trường hợp có khả năng xóa nợ theo quy định tại Nghị quyết số 94/2020/QH14 ngày 26/11/2020 và Luật Quản lý thuế 38/2020/QH14 để thực hiện xóa nợ nhằm làm giảm số nợ thuế của toàn ngành.

Đối với các khoản miễn, giảm thuế có điều kiện như: hàng nhập khẩu để sản xuất hàng gia công, hàng nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu cần có các biện pháp quản lý chặt chẽ không để phát sinh nợ thuế do chủ doanh nghiệp bỏ trốn khỏi địa chỉ kinh doanh hoặc bỏ về nước (chủ doanh nghiệp là người nước ngoài)... không thu hồi được nợ thuế.

1.3 Tăng cường rà soát các tờ khai hải quan trên hệ thống GTT02, để kịp thời chỉ đạo các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện đúng quy định về kiểm tra trị

giá tránh trường hợp bỏ sót, bỏ lọt các lô hàng có mức giá khai báo thấp, bất hợp lý nhưng không được tham vấn hoặc xử lý kịp thời.

Tăng cường chỉ đạo kiểm tra trị giá thông qua công tác trực ban trực tuyến nhằm xử lý kịp thời các trường hợp có khả năng gian lận trị giá cao.

Tiếp tục triển khai các chuyên đề về kiểm tra trị giá, tập trung vào những nhóm hàng, mặt hàng xuất khẩu có thuế suất cao, các nhóm hàng, mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu có kim ngạch lớn, thuế suất cao, tần suất nhập khẩu nhiều.

Thường xuyên rà soát sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu có rủi ro về giá (định kỳ và đột xuất) kèm theo các mức giá tham chiếu phù hợp với sự biến động giá thực tế để làm cơ sở so sánh, đối chiếu, kiểm tra trị giá hải quan.

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ để kịp thời phát hiện những sai sót về công tác kiểm tra trị giá, xác định dấu hiệu nghi vấn, tham vấn, kiểm tra sau thông quan và cập nhật dữ liệu qua đó khắc phục và chấn chỉnh kịp thời việc thực hiện công tác quản lý giá tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

1.4. Rà soát trên hệ thống MHS, Hệ thống trực ban trực tuyến và các hệ thống công nghệ thông tin có liên quan để chỉ đạo các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện thống nhất công tác phân loại, xác định mã số và áp dụng mức thuế, kịp thời có văn bản chấn chỉnh, hướng dẫn phân loại thống nhất đối với các trường hợp áp dụng mã số, mức thuế không đúng quy định trong đó tiếp tục tập trung chỉ đạo kiểm tra, rà soát việc áp dụng mức thuế ưu đãi, ưu đãi đặc biệt theo các biểu thuế MFN, FTA, chỉ đạo các đơn vị lưu ý các trường hợp khai thuế suất ưu đãi (MFN) nhưng không đáp ứng điều kiện được hưởng thuế suất ưu đãi; hàng hóa nhập khẩu khai thuế suất ưu đãi đặc biệt theo các Hiệp định FTA nhưng thuộc đối tượng loại trừ không được áp dụng mức thuế FTA; hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng phải chịu thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế tiêu thụ đặc biệt,...

Chỉ thực hiện phân loại đối với các mặt hàng chưa được định danh; chưa có kết quả phân loại tại cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế (MHS) và có thông tin khai báo đầy đủ, chi tiết các tiêu chí để phân loại theo danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu, biểu thuế xuất nhập khẩu. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu, kiên quyết trả lại mẫu phân tích và yêu cầu Chi cục Hải quan, Cục Hải quan, Cục Kiểm định Hải quan chấn chỉnh, thực hiện đúng trách nhiệm về phân loại hàng hóa.

Chủ trì, phối hợp với Cục Kiểm định Hải quan, Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục Công nghệ thông tin và thống kê Hải quan, Cục Quản lý rủi ro rà soát tổng thể trên hệ thống nghiệp vụ Hải quan để kiểm tra, xác

định các trường hợp một mặt hàng áp dụng nhiều mã HS khác nhau. Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa đảm bảo một mặt hàng chỉ có một mã số hàng hóa.

Chỉ đạo, chấn chỉnh các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền, trình tự phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; không tùy tiện lấy mẫu phân tích, kiểm định, gây khó khăn cho doanh nghiệp; rà soát, chuẩn hóa việc phân loại trong phạm vi Cục, Chi cục; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; giải quyết triệt để khiếu nại, khiếu kiện về phân loại.

Nghiên cứu, đề xuất yêu cầu giải pháp công nghệ trong công tác phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

1.5. Rà soát, chỉ đạo các đơn vị kiểm tra công tác miễn, giảm, hoàn thuế, không thu thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Phát hiện các sai sót, vi phạm trong công tác miễn, giảm, hoàn thuế trong đó tập trung chỉ đạo rà soát, kiểm tra các dự án, các trường hợp được hưởng ưu đãi thuế có sự khác biệt giữa Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 và Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; các trường hợp miễn thuế theo Danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế đã được cơ quan hải quan tiếp nhận, trừ lùi trên hệ thống đảm bảo thực hiện miễn thuế hàng hóa nhập khẩu đúng đối tượng; các trường hợp được áp dụng thuế suất 0% theo quy định tại Điều 7a, 7b tại Nghị định 57/2020/NĐ-CP sửa đổi và bổ sung Nghị định 125/2017/NĐ-CP; chỉ đạo các đơn vị đánh giá rủi ro, thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế sau khi hoàn thuế để kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp gian lận, trục lợi đối với hình thức hoàn trước, kiểm sau.

2. Cục Giám sát quản lý về Hải quan:

2.1. Triển khai công tác cải cách toàn diện công tác quản lý và kiểm tra chuyên ngành (KTCN), kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia theo nhiệm vụ phân công tại các Nghị quyết của Chính phủ; tổ chức triển khai Nghị định quy định về thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và KTCN đối với hàng hóa XNK;

Hoàn thiện Đề án đổi mới mô hình thực hiện công tác kiểm tra chuyên ngành (KTCN) theo hướng cơ quan hải quan là đầu mối thực hiện công tác KTCN, cơ quan hải quan chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, quyết định của cơ quan hải quan là quyết định cuối cùng và có giá trị pháp lý cao nhất nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động KTCN đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, giảm chi phí, rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa qua biên giới theo Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 13/11/2020 của

Chính phủ.

2.2. Tham mưu cho Tổng cục chỉ đạo sử dụng có hiệu quả trang thiết bị kiểm tra, giám sát Hải quan: Sử dụng seal điện tử đúng quy định, phục vụ công tác kiểm tra, giám sát hải quan; phối hợp với trực ban Tổng cục để giám sát việc sử dụng seal điện tử của các đơn vị.

Xây dựng kế hoạch lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các khu vực cửa khẩu đường bộ đảm bảo có khả năng quan sát 360⁰, kết nối, truyền dữ liệu, hình ảnh về Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục phục vụ công tác kiểm tra, giám sát. Không để tình trạng camera giám sát công vụ không có tín hiệu, không hoạt động, không quan sát được.

2.3. Nâng cao hiệu suất, hiệu quả công tác kiểm tra hàng hóa bằng máy soi container: Soi chiếu đảm bảo định mức tối thiểu; cập nhật, thanh khoản kết quả soi chiếu từ khâu đầu đến khâu cuối; Rà soát, đánh giá, sắp xếp lại vị trí của các máy soi đang hoạt động, đảm bảo thuận lợi cho việc kiểm tra của Cơ quan Hải quan, đồng thời không gây ách tắc hàng hóa tại khu vực cảng.

2.4. Tăng cường công tác giám sát, quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu, cửa khẩu biên giới đất liền; phương tiện vận tải tạm nhập tái xuất qua cửa khẩu đường bộ; hàng gia công, sản xuất xuất khẩu; rà soát các kho, bãi, địa điểm bảo đảm ngăn cách khu vực hàng nội địa với hàng nhập khẩu; hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc thực thi các Hiệp định FTAs; rà soát công tác xác minh C/O, giảm thiểu số lượng xác minh C/O nhằm tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp...

2.5. Xây dựng mô hình quản lý hải quan thông minh trên cơ sở bài toán nghiệp vụ cụ thể, chi tiết của từng lĩnh vực, trong đó tính đến các phương án, tình huống dự phòng phát sinh và đặc thù của từng tuyến, từng địa bàn.

3. Cục Quản lý rủi ro Hải quan:

3.1. Thực hiện nhiệm vụ đầu mối, chuyên trách trong công tác phân tích, xác định trọng điểm phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan theo hướng các đơn vị thuộc Tổng cục, các Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố cung cấp cho Cục Quản lý rủi ro thông tin về các vụ vi phạm, đối tượng, dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm, phương thức thủ đoạn buôn lậu, gian lận phục vụ đánh giá rủi ro, xác định trọng điểm và đề xuất soi chiếu. Trên cơ sở các thông tin thu thập được, Cục trưởng Cục Quản lý rủi ro có trách nhiệm chỉ đạo việc phân tích, đánh giá, xác định trọng điểm và tham mưu Lãnh đạo Tổng cục phê duyệt thực hiện soi chiếu để kiểm tra, kiểm soát Hải quan.

3.2. Quy định cụ thể về nguyên tắc xác định trọng điểm, đánh giá toàn diện

để xác định yếu tố rủi ro từ cao xuống thấp gồm rủi ro về an ninh, an toàn cộng đồng, rủi ro về buôn lậu, gian lận thương mại. Chỉ dẫn soi chiếu phải khả thi, phù hợp với việc kiểm tra qua máy soi về xác định nghi vấn về tính đồng nhất của hàng hóa;

Nâng cao hiệu suất, hiệu quả công tác kiểm tra hàng hóa bằng máy soi container; Tăng cường soi chiếu trước thông quan tại các cửa khẩu cảng biển; hạn chế soi chiếu trong thông quan; thực hiện soi chiếu trong thông quan khi mức độ rủi ro cao, yêu cầu bắt buộc kiểm tra để xác định nghi vấn nhưng phải đảm bảo thuận lợi về tuyến đường, phù hợp với vị trí máy soi cố định, địa điểm kiểm tra tập trung.

3.3. Nâng cao hiệu quả phân luồng, trong đó phân loại nhóm tiêu chí cứng áp dụng theo chính sách, pháp luật quản lý chuyên ngành và nhóm các tiêu chí trên cơ sở đánh giá rủi ro của cơ quan Hải quan để đề xuất áp dụng phương án phân luồng phù hợp mục tiêu, yêu cầu quản lý; tăng cường thu thập, phân tích thông tin, triển khai các chuyên đề kiểm soát rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, người và phương tiện vận tải xuất nhập cảnh.

3.4. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp triển khai Thông tư số 81/2019/TT-BTC ngày 15/11/2019 của Bộ Tài chính, triển khai việc trao đổi cơ sở dữ liệu giữa cơ quan thuế, cơ quan công an; Đối với các doanh nghiệp thành lập dưới 365 ngày thì trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát kết quả phân luồng, phân tích đánh giá đối chiếu với các kết quả xác minh, điều tra các vụ vi phạm để có phương án tăng cường kiểm soát đối với các doanh nghiệp này.

4. Cục Kiểm định Hải quan (KĐHQ):

4.1. Chuẩn bị năng lực, nguồn lực để triển khai Đề án “Đổi mới mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu” khi được phê duyệt; Xây dựng hành lang pháp lý cho công tác kiểm định tại các văn bản pháp quy; Mở rộng, đăng ký các chỉ tiêu thử nghiệm vilas; Bổ sung nguồn lực, nhân lực và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chất lượng.

4.2. Chỉ thực hiện phân tích để phân loại đối với các mặt hàng chưa được định danh; chưa có kết quả phân loại tại cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế (MHS) và có thông tin khai báo đầy đủ, chi tiết các tiêu chí để phân loại theo danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu, biểu thuế xuất nhập khẩu. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, kiên quyết trả lại mẫu và yêu cầu Chi cục Hải quan, Cục Hải quan chấn chỉnh, thực hiện đúng trách nhiệm về phân loại hàng hóa.

4.3. Xây dựng danh mục quản lý rủi ro để kiểm định trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn, năng lực kiểm định.

4.4. Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan nghiên cứu, đề xuất yêu cầu giải pháp công nghệ trong công tác phân tích, kiểm định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

5. Cục Điều tra chống buôn lậu:

Chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định... của Chính phủ, Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia, Bộ Tài chính trong công tác đấu tranh, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới với vai trò là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 389 của Bộ Tài chính, tiếp tục:

5.1. Bám sát, thực hiện quyết liệt các chỉ đạo, chỉ thị, nghị quyết,... của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia. Tăng cường kiểm soát, đấu tranh đối với hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trên tất cả các tuyến, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ đối với hàng hóa xuất nhập khẩu qua cửa khẩu đường bộ. Trong đó tập trung vào các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện, hàng bách hóa, các mặt hàng nhạy cảm phòng chống dịch Covid-19, hàng cấm.

5.2. Tăng cường các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát ma túy trong tất cả các khâu, các tuyến, các địa bàn. Các thông tin liên quan đến hành vi mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy phải được xử lý kịp thời, bí mật, chặt chẽ từ khi bắt đầu đến khi kết thúc vụ việc, đảm bảo không để lọt, lộ thông tin, đối tượng vi phạm. Nâng cao hiệu quả sử dụng các trang thiết bị chuyên dụng, chú trọng nghiệp vụ phục vụ công tác kiểm soát ma túy, tiền chất. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các nội dung tại Kế hoạch số 6197/KH-TCHQ ngày 22/9/2020 của Tổng cục Hải quan.

5.3. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng trong địa bàn hải quan theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và quy chế phối hợp; Nâng cao hiệu quả công tác thu thập, trao đổi, xử lý thông tin với các tổ chức, cá nhân nước ngoài, đặc biệt thông tin về các vụ việc, vi phạm của các đối tượng, lô hàng cụ thể, thông tin về buôn lậu ma túy, hàng cấm, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, thông tin về phương thức, thủ đoạn mới; mở rộng các kênh quốc tế trong hoạt động hỗ trợ điều tra.

5.4. Bổ sung nhân lực, nâng cao năng lực cho bộ phận thu thập thông tin, giám sát qua các hệ thống điện tử của Ngành. Phát huy tối đa hiệu quả việc sử dụng phương tiện trong việc giám trực tuyến trên ba cấp đạt hiệu quả cao. Nghiên cứu, đầu tư Trung tâm giám sát trực tuyến tại các đơn vị có số thu lớn hoặc các đơn vị

đã được đầu tư các hệ thống trang thiết bị kiểm tra, giám sát Hải quan.

5.5. Tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng kiểm soát hải quan; nghiên cứu, sắp xếp và bố trí lực lượng kiểm soát hải quan có nhiệt huyết, có trách nhiệm đảm bảo gọn nhẹ, chính quy, tinh nhuệ và đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

5.6. Triển khai cao điểm đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trước, trong và sau Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 theo Kế hoạch số 7582/KH-TCHQ ngày 30/11/2020 của Tổng cục Hải quan.

5.7. Thúc đẩy hợp tác song phương, đa phương; đảm bảo hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế được tiến hành chủ động, trong đó tập trung triển khai Kế hoạch hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực Hải quan giai đoạn 2021-2025; tăng cường trao đổi thông tin liên quan đến công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại.

6. Cục Kiểm tra sau thông quan:

6.1. Tăng cường công tác kiểm tra sau thông quan (KTSTQ) theo Chỉ thị số 7180/CT-TCHQ ngày 19/11/2019 của Tổng cục Hải quan; nâng cao chất lượng các hoạt động nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan, không để phát sinh khiếu nại, khiếu kiện và nợ thuế.

6.2. Sửa đổi quy trình KTSTQ theo hướng cải cách, sơ đồ hóa, lượng hóa và chỉ rõ mục đích của từng bước; tập trung xây dựng kế hoạch định hướng theo 04 lĩnh vực lớn: mã số, trị giá, chính sách thương mại bao gồm hàng miễn thuế và 17 Hiệp định thương mại tự do, hàng gia công, sản xuất xuất khẩu và chế xuất.

6.3. Tập trung triển khai chuyên đề chống gian lận, giả mạo xuất xứ; tăng cường công tác chỉ đạo, định hướng hoạt động KTSTQ đối với các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

6.4. Đổi mới quản lý Doanh nghiệp ưu tiên nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan trong tình hình mới.

7. Vụ Thanh tra - Kiểm tra:

7.1. Triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra chuyên ngành, kiểm tra nội bộ theo phê duyệt của Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan theo đúng tinh thần Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tạo điều kiện

cho các doanh nghiệp trong thời kỳ dịch bệnh nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ pháp luật.

7.2. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ thông qua hình thức kiểm tra chuyên đề, kiểm tra đột xuất theo dấu hiệu vi phạm, kiểm tra trực tuyến thông qua các hệ thống thông tin nghiệp vụ của ngành Hải quan và hệ thống camera giám sát công vụ để kịp thời phát hiện những sai phạm của doanh nghiệp, hạn chế, thiếu sót, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức.

7.3. Theo dõi, đôn đốc, thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm toán, Ủy ban kiểm tra Trung ương.

8. Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan:

8.1. Xây dựng Hệ thống CNTT ngành Hải quan tiên tiến, hiện đại, hướng tới hải quan số với mức độ tự động hóa cao, tích hợp vào 01 Hệ thống duy nhất, ứng dụng mạnh mẽ thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 (AI, IoT, Blockchain, Big Data ...)

8.2. Tích cực đôn đốc các Bộ, ngành đẩy nhanh tiến độ triển khai Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa Quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại;

8.3. Triển khai Đề án đầu tư hệ thống seal điện tử phục vụ công tác giám sát đối với hàng hóa.

8.4. Đảm bảo quản lý, vận hành các hệ thống CNTT hải quan ổn định, an ninh, an toàn phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan; đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, triển khai dịch vụ hạ tầng và an toàn bảo mật thông tin trong lĩnh vực Hải quan; thay thế các trang thiết bị phần cứng, hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư trước đây đã xuống cấp để đảm bảo sự hoạt động thông suốt của các hệ thống CNTT hiện tại.

8.5. Ngày liền kề sau ngày cuối cùng của tháng trước cung cấp số liệu về kim ngạch XNK cho Cục Thuế xuất nhập khẩu, Văn phòng Tổng cục để tổng hợp và báo cáo Lãnh đạo Tổng cục.

9. Vụ Pháp chế:

9.1. Chủ trì rà soát hệ thống pháp luật hải quan để xác định các văn bản cần phải sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đáp ứng yêu cầu quản lý của Ngành, hoàn thiện hệ thống pháp luật Hải quan, áp dụng các chuẩn mực quốc tế, quy trình quản

lý hải quan hiện đại nhằm tạo thuận lợi tối đa cho cộng đồng doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo giám sát, quản lý chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật.

9.2. Đổi mới phương thức thực hiện tuyên truyền phổ biến pháp luật, góp phần giúp người dân, doanh nghiệp tiếp cận các chính sách pháp luật mới, các thông tin chính thống, đúng đắn, khách quan, đa chiều về ngành Hải quan, tăng cường tuân thủ pháp luật.

10. Cục Tài vụ - Quản trị:

10.1. Bám sát kế hoạch giao dự toán, yêu cầu các đơn vị cam kết giải ngân và tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện, tập trung chỉ đạo quyết liệt đẩy nhanh tiến độ triển khai tại các đơn vị có số dự toán lớn; đôn đốc các đơn vị nâng cao tỷ lệ và chất lượng công tác giải ngân; phấn đấu tỷ lệ giải ngân toàn Ngành đạt tối thiểu 95% dự toán theo cam kết và chỉ đạo của Bộ Tài chính.

10.2. Tăng cường kiểm tra việc sử dụng các trang thiết bị kiểm tra, giám sát hải quan và các tài sản công khác của các đơn vị; xem xét xử lý trách nhiệm đối với các đơn vị, cá nhân trong việc: không triển khai, chậm triển khai hoặc triển khai không đúng theo quy định, có dấu hiệu buông lỏng quản lý hải quan.

11. Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố:

11.1. Tiếp tục triển khai Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch COVID-19; tiếp tục áp dụng các chuẩn mực quốc tế, quy trình quản lý hải quan hiện đại nhằm tạo thuận lợi tối đa cho cộng đồng doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo giám sát, quản lý chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường rà soát, nắm chắc nguồn thu; nghiên cứu, đề xuất và triển khai các giải pháp tăng thu, chống thất thu NSNN; chủ động đánh giá tác động của các cam kết hội nhập quốc tế đến thu NSNN; giao dự toán và chỉ tiêu phấn đấu thu NSNN năm 2021 tới từng chi cục trực thuộc. *(Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021 chi tiết từng Cục Hải quan tỉnh, thành phố - đính kèm).*

11.2. Rà soát, phân loại chính xác, xử lý các nhóm nợ:

(i) Đối với nhóm nợ khó thu: đối với các doanh nghiệp đủ điều kiện, đủ hồ sơ xóa nợ theo Nghị quyết 94/2020/QH14 ngày 26/11/2020 thì thực hiện xóa nợ; đối với các đối tượng thuộc diện có khả năng được xóa nợ theo Luật Quản lý thuế số 38/2020/QH14 thì chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, và bổ sung các bước để đảm bảo khi Thông tư hướng dẫn Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 có hiệu lực thì thực hiện xóa nợ.

Đối với các trường hợp không đủ điều kiện thì tiếp tục thực hiện các biện pháp cưỡng chế để đôn đốc thu hồi nợ thuế theo quy định.

(ii) Đối với nhóm nợ chờ xử lý: đối với các lô hàng an ninh quốc phòng yêu cầu các đơn vị thực hiện theo đúng quy trình ban hành kèm theo quyết định số 4073/QĐ-TCHQ ngày 1/12/2017, nhất là đối với các hồ sơ gửi về TCHQ (Điều 14) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giải phóng hàng hóa, thì yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng quy trình để xem xét giải quyết xét miễn thuế, đảm bảo đúng thời gian, đúng quy định làm giảm nợ và tạo thuận lợi cho DN.

(iii) Đối với nhóm nợ có khả năng thu, nợ phạt VPHC:

Thực hiện nghiêm túc các biện pháp đôn đốc thu hồi và xử lý nợ; đối với các khoản nợ đã có phán quyết của Tòa án thì triển khai thực hiện các bước tiếp theo như hủy QĐ ấn định đã bị tòa bác bỏ, ban hành lại quyết định ấn định mới đúng quy định...; đối với các quyết định ấn định thuế phát sinh trong năm 2021 thì khẩn trương đôn đốc thu hồi nợ, đảm bảo số nợ đến 31/12/2021 phải thấp hơn 31/12/2020.

Định kỳ hàng tháng gửi báo cáo các nội dung đánh giá thu ngân sách năm 2021 (điểm 11.1 mục này); tình hình thu hồi và xử lý nợ thuế theo đúng mẫu và thời gian quy định tại Công văn số 4616/TCHQ-TXNK ngày 9/7/2020.

11.3. Bổ trí, phân công các cán bộ công chức đã được đào tạo về trị giá, có kỹ năng, kinh nghiệm thực tế thực hiện công tác tham mưu tại những địa bàn trọng điểm, có lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu lớn, có nguy cơ gian lận thương mại cao để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, xác định trị giá hải quan; xây dựng và đưa vào sử dụng cẩm nang hướng dẫn về kiểm tra, xác định trị giá hải quan, cập nhật hệ thống dữ liệu về trị giá hải quan; kịp thời báo cáo, đề xuất sửa đổi các mức giá tham chiếu không còn phù hợp và bổ sung các mặt hàng mới phát sinh vào Danh mục quản lý rủi ro về trị giá hải quan; cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin kết quả kiểm tra trị giá hải quan vào Hệ thống cơ sở dữ liệu giá GTT02; thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá những rủi ro về công tác kiểm tra, xác định trị giá hải quan trong toàn đơn vị, kịp thời phát hiện các sai sót để chấn chỉnh và xử lý đối với cán bộ, công chức, Lãnh đạo và bộ phận có liên quan thực hiện không đúng quy định.

11.4. Rà soát, thực hiện kiểm tra tên hàng, mã số, mức thuế tại khâu thông quan, khâu sau thông quan để phát hiện và xử lý các trường hợp khai sai mã số, khai nguy trang tên hàng hoặc khai tên hàng không rõ ràng, đầy đủ để được áp dụng mức thuế suất thấp hoặc được hưởng các mức thuế ưu đãi đặc biệt trong đó tập trung kiểm tra những mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế.

Đối với các lô hàng thuộc luồng xanh, sau khi hàng hóa đã thông quan, các Chi cục hải quan nơi thông quan hàng hóa lưu ý đánh giá thông tin rủi ro trong việc khai sai mô tả hàng hóa, khai sai mục đích sử dụng, khai sai chủng loại hàng hóa, khai mã số nguy trang để được áp dụng mức thuế suất thấp, đặc biệt là các mặt hàng không được hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt, các mặt hàng dễ lẫn, các mặt hàng nhập khẩu từ các nước không được hưởng mức thuế suất ưu đãi (MFN) phải áp dụng thuế suất thông thường để thực hiện kiểm tra sau thông quan trong phạm vi 60 ngày kể từ ngày thông quan hàng hóa nhằm ngăn chặn tình trạng lợi dụng hàng thuộc luồng xanh để gian lận thông qua khai báo mã số, mức thuế không đúng quy định, thu đủ thuế và xử lý vi phạm.

11.5. Rà soát, kiểm tra các trường hợp miễn thuế đối với các tờ khai đăng ký từ ngày 01/9/2016 theo đúng đối tượng miễn thuế quy định tại Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu số 107/2016/QH13, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 trong đó chú ý các trường hợp miễn thuế như: miễn thuế hàng gia công; hàng sản xuất-xuất khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ, hàng hóa nhập miễn thuế theo Điều ước quốc tế, hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của các dự án ưu đãi đầu tư, miễn thuế theo Điều 7a, 7b Nghị định 57/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 125/2017/NĐ-CP.

Đối với trường hợp miễn thuế theo danh mục miễn thuế, các Chi cục Hải quan phải thực hiện đối chiếu hồ sơ nhập khẩu, hàng hóa thực tế nhập khẩu với danh mục miễn thuế mà cơ quan hải quan đã tiếp nhận để thực hiện miễn thuế đúng hàng hóa, đúng đối tượng. Sau khi hàng hóa được thông quan, phải thực hiện kiểm tra việc sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu theo quy định.

Thực hiện rà soát, thu hồi số tiền miễn thuế đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu đăng ký tờ khai xuất khẩu tại chỗ nhưng không có tờ khai nhập khẩu tại chỗ.

11.6. Tăng cường công tác kiểm tra sau thông quan, chống buôn lậu, gian lận thương mại và quản lý rủi ro; lập kế hoạch kiểm tra sau thông quan hoặc thanh tra chuyên ngành đối với những mặt hàng hoặc doanh nghiệp có rủi ro về giá, về phân loại, sở hữu trí tuệ, mức thuế, xuất xứ...

11.7. Sử dụng hiệu quả seal điện tử theo đúng quy định, phục vụ công tác kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa chịu sự giám sát hải quan vận chuyển bằng container theo quy định tại Quyết định số 138/QĐ-TCHQ ngày 21/01/2020; Phối hợp với Trục ban Tổng cục để giám sát việc sử dụng seal điện tử của các đơn vị;

11.8 Tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu theo công văn số 119/TCHQ-GSQL ngày 11/01/2021 của Tổng cục Hải quan.

11.9. Kịp thời báo cáo về Tổng cục Hải quan các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các kiến nghị đề xuất của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách để xem xét, xử lý.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Chỉ thị này được quán triệt tới tất cả cán bộ, công chức hải quan. Cục trưởng cục Hải quan Tỉnh, Thành phố, Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị này, thông tin về tình hình, kết quả triển khai nhiệm vụ, định kỳ gửi báo cáo trước ngày 12 hàng tháng về Tổng cục Hải quan (Cục Thuế XNK) để tổng hợp báo cáo lãnh đạo Tổng cục.

2. Cục Thuế XNK chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Chỉ thị này; kịp thời báo cáo Lãnh đạo Tổng cục những vấn đề phát sinh./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Thị Mai (để b/c);
- Lãnh đạo TCHQ (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc TCHQ (để t/h);
- Website Hải quan;
- Lưu: VT, TXNK (15b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Cần

CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU THU NSNN 2021

(Kèm theo Chỉ thị số **215**/CT-TCHQ ngày 15/01/2021 của Tổng cục trưởng TCHQ)



TT	Cục Hải quan	CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU (tỷ đồng)
1	Tp Hồ Chí Minh	112,900.0
2	Hải Phòng	57,900.0
	Hải Phòng	50,800.0
	Hải Dương	2,400.0
	Hưng Yên	3,550.0
	Thái Bình	1,150.0
3	Bà Rịa Vũng Tàu	18,400.0
4	Hà Nội	24,800.0
	Hà Nội	19,200.0
	Vĩnh Phúc	4,700.0
	Phú Thọ	340.0
	Yên Bái	260.0
	Hoà Bình	300.0
5	Quảng Ninh	12,600.0
6	Đồng Nai	15,400.0
	Đồng Nai	13,900.0
	Bình Thuận	1,500.0
7	Bình Dương	16,700.0
8	Bắc Ninh	10,430.0
	Bắc Ninh	6,380.0
	Bắc Giang	1,330.0
	Thái Nguyên	2,720.0
9	Quảng Ngãi	5,250.0
10	Đà Nẵng	4,200.0
11	Khánh Hòa	3,350.0
	Khánh Hoà	2,350.0
	Ninh Thuận	1,000.0
12	Thanh Hoá	10,500.0
13	Hà Nam Ninh	8,810.0
	Nam Định	350.0
	Ninh Bình	6,640.0
	Hà Nam	1,820.0
14	Lạng Sơn	4,000.0
15	Quảng Nam	3,600.0
16	Lào Cai	1,735.0
17	Hà Tĩnh	5,180.0
18	Long An	3,680.0
	Long An	3,150.0
	Tiền Giang	280.0

TT	Cục Hải quan	CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU (tỷ đồng)
	Bến Tre	250.0
19	Bình Định	920.0
	Bình Định	820.0
	Phú Yên	100.0
20	Quảng Trị	480.0
21	Cần Thơ	3,690.0
	Cần Thơ	850.0
	Hậu Giang	450.0
	Vĩnh Long	2,250.0
	Sóc Trăng	140.0
22	Nghệ An	1,300.0
23	Cao Bằng	215.0
	Cao Bằng	200.0
	Bắc Cạn	15.0
24	Thừa Thiên Huế	455.0
25	Hà Giang	290.0
	Hà Giang	210.0
	Tuyên Quang	80.0
26	Tây Ninh	1,200.0
27	Đắk Lắk	600.0
	Đắk Lắk	210.0
	Lâm Đồng	270.0
	Đắk Nông	120.0
28	Đồng Tháp	110.0
29	Quảng Bình	215.0
30	Gia lai - Kon Tum	269.0
	Gia Lai	12.2
	Kon Tum	256.8
31	Điện Biên	110.0
	Điện Biên	42.0
	Lai Châu	21.0
	Sơn La	47.0
32	Bình Phước	1,234.0
33	An Giang	200.0
34	Cà Mau	77.0
	Cà Mau	16.0
	Bạc Liêu	61.0
35	Kiên Giang	200.0
	Tổng	331,000.0

H2